

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **668/2021/LĐ-PT**
Ngày: 06/12/2021
V/v “*Tranh chấp đơn phương chấm
dứt hợp đồng lao động*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Hiền

Các Thẩm phán: Bà Bùi Thị Kim Dung;

Ông Nguyễn Ngọc Tài.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Nguyễn Phương Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Phương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 01/12/2021, ngày 06/12/2021 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 22/2021/TLPT-LĐ ngày 04 tháng 6 năm 2021 về việc: “*Tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động*”.

Do bản án lao động sơ thẩm số 04/2021/LĐ-ST ngày 28/4/2021 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4102/2021/QĐPT-LĐ ngày 03 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Văn T** – sinh năm 1960 (có mặt tại phiên tòa ngày 01/12/2021, vắng mặt khi tuyên án ngày 06/12/2021)

Địa chỉ: Số 10 L, chung cư N, đường số 2, Phường 8, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Kiều Đại B – sinh năm 1972 (có mặt).

Địa chỉ: 3.5 Lầu 3, Lô B, chung cư 109 N, Phường 1, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Giấy ủy quyền số 003837 ngày 03/7/2020 tại Văn phòng Công chứng B.

- Bị đơn: Công ty TNHH MTV Quản lý – Vận hành – Khai thác bất động sản H.

Địa chỉ: Số 60 T, Phường 2, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Trọng T, Chủ tịch công ty.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Sỹ H (có mặt).

Địa chỉ: Số 7 đường số 14, Khu nhà ở M, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Giấy ủy quyền số 04/UQ/HaDoPM ngày 15/6/2021.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Công ty TNHH MTV Quản lý – Vận hành – Khai thác bất động sản H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo Đơn khởi kiện ngày 09/6/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T do ông Kiều Đại B là người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Ông Nguyễn Văn T làm việc tại Công ty TNHH Một thành viên Quản lý – Vận hành – Khai thác Bất động sản H (sau đây gọi tắt là Công ty H) tại địa chỉ số 60 đường T, Phường 2, quận B bắt đầu từ tháng 11/2011 đến tháng 3/2020. Trong hơn ba năm đầu thử thách và đảm nhận công việc với chức danh Giám Đốc, Công ty H có ký Hợp đồng lao động nhưng không tham gia bảo hiểm xã hội. Vào ngày 01/7/2014, Công ty ký Hợp đồng lao động không thời hạn số 62/HĐLĐ do ông Lê Thanh H chức vụ Chủ tịch Công ty H ký. Đến ngày 28/12/2017, do nhu cầu báo cáo thuế của công ty ông T ký thêm một hợp đồng lao động số 01.02/HĐLĐ - HĐTV do ông Nguyễn Trọng T là Chủ Tịch Hội đồng thành viên ký hợp đồng xác định thời hạn từ ngày 07/12/2017 đến ngày 31/3/2020. Do thấy tính chất công việc và chức vụ trong công ty không thay đổi nên ông T không thắc mắc gì và cũng không có văn bản gì yêu cầu thanh lý hợp đồng số 62, ông vẫn làm tiếp công việc của mình theo quy chế hoạt động trong Công ty H. Trong buổi gặp mặt trực tuyến Hội đồng thành viên và Phòng Hành chính nhân sự Công ty Cổ phần tập đoàn H về công việc tại văn phòng H Centrosa 756 ông T có bày tỏ nguyện vọng qua phát ngôn: “*Không tiếp tục làm việc vị trí này do hiện nay không phù hợp và đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật*”, điều này không có nghĩa là ông mong muốn xin nghỉ việc và yêu cầu chấm dứt hợp đồng lao động như phía Công ty H đang nghĩ. Ngày 16/3/2020, ông T nhận được quyết định số 36/QĐ – HĐTV ngày 17/02/2020 về việc thôi trả lương và chấm dứt hợp đồng lao động và tiếp theo là công văn số 149/TB- HaDo PM ngày 07/4/2020 Công ty H thông báo trong công ty đã cho ông T nghỉ việc, chấm dứt hợp đồng lao động số 01.02/HĐLĐ – HĐTV, nhưng theo hợp đồng không thời hạn số 62 thì đến ngày 09/12/2020 ông mới hết thời hạn và đủ tuổi nghỉ hưu theo luật lao động. Ông T gửi thư khiếu nại vào ngày 24/3/2020, sau đó ông nhận được văn bản số 129/CV- HaDoPM ngày 30/3/2020 trả lời khiếu nại.

Do Công ty H đơn phương chấm dứt hợp đồng trái pháp luật nên ông Nguyễn Văn T khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH MTV Quản lý – Vận hành – Khai thác Bất động sản H phải bồi thường cho ông 14 tháng lương x 59.030.000

đồng = 826.420.000 đồng, cụ thể: 07 tháng lương chấm dứt hợp đồng lao động; 02 tháng lương trợ cấp nghỉ việc; 02 tháng lương không nhận người lao động làm việc lại; 02 tháng lương nghỉ không có lương; 01 tháng lương không thông báo nghỉ việc trước.

** Bị đơn Công ty TNHH MTV Quản lý – Vận hành – Khai thác bất động sản H do ông Huỳnh Công Bảo A và ông Đỗ Toàn K là người đại diện theo uỷ quyền trình bày:*

Công ty H cho rằng yêu cầu bồi thường của nguyên đơn là không có cơ sở vì công ty đã thực hiện đủ các bước để chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật, cụ thể như sau:

Ngày 01/7/2014, Công ty H và ông T ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn số 62/HĐLĐ. Sau khi tái cơ cấu doanh nghiệp, hai bên đã tự nguyện ký lại hợp đồng lao động số 01.02/HĐLĐ-HĐTV, trong đó ghi rõ “*Hợp đồng lao động xác định thời hạn kể từ ngày 07/12/2017 đến ngày 31/3/2020*” (Điều 1) và “*thay thế cho các hợp đồng có nội dung tương tự đã ký trước đây*” (Điều 7). Hợp đồng này đã được thực hiện hơn 02 năm mà không có bất kỳ sự thắc mắc, khiếu nại nào của ông T. Đến nay cũng đã hết thời hiệu yêu cầu giải quyết tranh chấp lao động cá nhân theo Điều 202 Bộ Luật Lao động 2012. Ngày 13/02/2020, trước 45 ngày kết thúc hợp đồng lao động số 01.02/HĐLĐ-HĐTV, Tổng Giám đốc công ty đã có buổi họp trao đổi với ông T về nguyện vọng của ông khi hết thời hạn hợp đồng lao động để Công ty có sự chủ động trong việc bố trí nhân sự điều hành cấp cao. Khi đó, nguyện vọng của ông T là muốn chấm dứt hợp đồng lao động do không còn phù hợp làm việc tại công ty. Từ nguyện vọng của ông T, Tổng Giám đốc công ty báo cáo xin ý kiến Hội đồng thành viên để thực hiện các thủ tục tiếp theo. Ngày 17/02/2020, Hội đồng thành viên Công ty và đại diện Ban điều hành của Tập đoàn H có buổi làm việc thứ 2 với ông T để thông báo về thời hạn kết thúc hợp đồng lao động vào ngày 31/3/2020 và nghe lại nguyện vọng của ông T. Trong buổi làm việc này, một lần nữa ông T xác nhận muốn nghỉ việc và đề nghị Công ty thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Trên cơ sở nguyện vọng của ông T, cùng ngày 17/02/2020 công ty ban hành Thông báo số 67/TB-HaDoPM về việc chấm dứt hợp đồng lao động đối với ông T và Quyết định số 36/QĐ-HĐTV về việc thôi trả lương và chấm dứt hợp đồng lao động. Ngày 20/3/2020, Công ty gửi Quyết định số 36/QĐ-HĐTV về việc thôi trả lương và chấm dứt hợp đồng lao động kể từ ngày 01/4/2020 cho ông T để tiến hành các thủ tục bàn giao công việc. Ngày 25/3/2020 Công ty nhận được đơn khiếu nại lần đầu đối với Quyết định số 36/QĐ-HĐTV nêu trên. Nội dung khiếu nại là công ty ban hành quyết định 36 dựa trên cơ sở của hợp đồng lao động số 01.02/HĐLĐ-HĐTV có thời hạn từ 07/12/2017 đến 31/3/2020 là không phù hợp với pháp luật. Ông T đề nghị việc chấm dứt hợp đồng lao động cần căn cứ vào hợp đồng lao động số 62/HĐLĐ ký ngày 01/7/2014 là hợp đồng không có thời hạn. Ngày 30/3/2020 Công ty có Công văn số 129/CV-HaDoPM để phản hồi cho ông T về đơn khiếu nại liên quan đến Quyết định 36

theo đó hợp đồng lao động số 01.02/HĐLĐ-HĐTV kết thúc và nguyện vọng của ông T là không muốn tiếp tục làm việc tại công ty; hợp đồng lao động số 62/HĐLĐ mặc dù là hợp đồng lao động không xác định thời hạn nhưng được xác lập từ năm 2014, sau đó đã được thay thế bằng hợp đồng số 01.02/HĐLĐ-HĐTV ngày 28/12/2017 dựa trên sự tự nguyện của các bên sau khi Công ty tái cơ cấu doanh nghiệp. Quy trình sáp nhập và bổ nhiệm lại được thực hiện theo Nghị Quyết của Hội đồng quản trị Tập đoàn H vào tháng 11/2017.

Ông Nguyễn Văn T yêu cầu công ty bồi thường 14 tháng x 59.030.000 đồng = 826.420.000 đồng là không có cơ sở pháp luật vì Công ty không làm sai trong việc chấm dứt hợp đồng lao động với ông T khi hợp đồng hết hạn vào ngày 31/3/2020, đề nghị xem xét bác yêu cầu của nguyên đơn.

** Tại bản án số 04/2021/LĐ-ST ngày 28/4/2021 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:*

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 32, khoản 1 Điều 35, Điều 36; khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.
- Căn cứ vào các Điều 41, 42, 48, 90, 200, 201, 202 Bộ Luật Lao động năm 2012;
- Căn cứ Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015;
- Căn cứ Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);
- Căn cứ Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T.

Xác định Công ty TNHH MTV Quản lý – Vận hành – Khai thác bất động sản H đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với ông Nguyễn Văn T là trái pháp luật.

Buộc Bị đơn Công ty TNHH MTV Quản lý – Vận hành – Khai thác bất động sản H có trách nhiệm bồi thường cho Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T số tiền 767.390.000 đồng, thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T đối với yêu cầu Bị đơn Công ty TNHH MTV Quản lý – Vận hành – Khai thác bất động sản H trả tiền trợ cấp thôi việc 01 tháng lương là 59.030.000 đồng.

3. Án phí lao động sơ thẩm: Công ty TNHH MTV Quản lý – Vận hành – Khai thác bất động sản H phải chịu 19.347.800 đồng.

- Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo và thi hành án của các đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Bị đơn Công ty TNHH MTV Quản lý – Vận hành – Khai thác bất động sản H nộp đơn kháng cáo đề ngày 10/5/2021, kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T, người đại diện theo ủy quyền ông Kiều Đại B, thống nhất trình bày: Không đồng ý với toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét xử theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Bị đơn Công ty TNHH MTV Quản lý – Vận hành – Khai thác bất động sản H do người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Sỹ H trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét đánh giá toàn bộ chứng cứ của vụ án một cách khách quan, ban hành bản án gây thiệt hại cho bị đơn. Do đó, Công ty TNHH MTV Quản lý - Vận hành - Khai thác Bất động sản H không đồng ý với bản án sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xem xét theo hướng sửa toàn bộ bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu kháng cáo, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu: Về tố tụng: những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm đã tuân thủ theo các quy định của pháp luật. Về hình thức đơn kháng cáo của bị đơn trong hạn luật định nên hợp lệ. Về nội dung kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 sửa toàn bộ bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu kháng cáo, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH MTV Quản lý – Vận hành – Khai thác bất động sản H trong thời hạn luật định, đã tạm ứng án phí theo quy định, nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo:

[2.1] Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do các đương sự xuất trình có trong hồ sơ vụ án và lời thừa nhận của hai bên đương sự, có cơ sở xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có ký: Hợp đồng lao động số 62/HĐLĐ ngày 01/7/2014 (sau đây gọi tắt là Hợp đồng lao động số 62), loại hợp đồng không xác định thời hạn, chức vụ Tổng giám đốc, công việc được quy định tại Điều 2, thoả thuận về chế độ tiền

lương, BHXH, BHYT và BHTN theo chế độ hiện hành của Nhà nước mô tả cụ thể trong hợp đồng; Hợp đồng lao động số 01.02/HĐLĐ-HĐTV ngày 28/12/2017 (sau đây gọi tắt là *Hợp đồng lao động số 01.02*), loại hợp đồng xác định thời hạn từ ngày 07/12/2017 đến ngày 31/3/2020, chức danh Quyền Tổng giám đốc. Ngày 09/10/2019 các bên ký Phụ lục hợp đồng lao động số 01-02/PLL.HĐLĐ-HĐPM điều chỉnh mức thu nhập của ông Nguyễn Văn T kể từ ngày 01/9/2019 tổng mức lương là 59.030.000 đồng/tháng. Tại phiên toà, nguyên đơn, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn, người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn cùng xác định mức lương của ông T là 59.030.000 đồng/tháng.

Xét, tại Biên bản kiểm phiếu xin ý kiến họp Hội đồng quản trị số 98A/BB-HĐQT ngày 06/11/2017, đã biểu quyết đồng ý tán thành 06/06 thành viên nhất trí thông qua có nội dung sau:

“1. Thông qua chủ trương sát nhập Công ty Công ty TNHH MTV Quản lý và kinh doanh BĐS H (NPM) vào Công ty TNHH MTV Quản lý - Vận hành - Khai thác BĐS H (PM) thành Công ty TNHH MTV Quản lý – Vận hành – Khai thác BĐS H (PM), thành lập chi nhánh tại Hà Nội để vận hành khai thác các Bất động sản tại Hà Nội.

2. Thông qua việc ông Tô Quốc U thôi giữ chức vụ Giám đốc Công ty TNHH MTV Quản lý và kinh doanh BĐS H (NPM) và bổ nhiệm làm Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc chi nhánh Hà Nội của Công ty TNHH MTV Quản lý - Vận hành - Khai thác BĐS H (PM) sau khi sát nhập.

3. Thông qua việc bổ nhiệm ông Nguyễn Văn T giữ chức vụ Quyền Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Quản lý - Vận hành - Khai thác BĐS H (PM) sau khi sát nhập...”

Cùng ngày 06/11/2017, Hội đồng quản trị Công ty Cổ Phần Tập Đoàn H ban hành Nghị quyết số 98B/NQ-HĐQT về việc sát nhập Công ty TNHH MTV Quản lý và kinh doanh BĐS H vào Công ty TNHH MTV Quản lý - Vận hành - Khai thác BĐS H với nội dung như đã được thông qua tại Biên bản số 98A/BB-HĐQT. Như vậy, chủ thể của Công ty TNHH MTV Quản lý - Vận hành - Khai thác Bất động sản H sau ngày 06/11/2017 là sự sáp nhập giữa hai công ty trên, dẫn đến pháp nhân mới có sự thay đổi về quy mô, cơ cấu tổ chức và nhân sự. Theo khoản 1 Điều 45 Bộ luật lao động 2012 quy định nghĩa vụ của người sử dụng lao động khi sáp nhập, hợp nhất, chia, tách doanh nghiệp, hợp tác xã thì: *“1. Trong trường hợp sáp nhập, hợp nhất, chia, tách doanh nghiệp, hợp tác xã thì người sử dụng lao động kế tiếp phải chịu trách nhiệm tiếp tục sử dụng số lao động hiện có và tiến hành việc sửa đổi, bổ sung hợp đồng lao động...”*. Như vậy, việc Công ty H sau khi được sáp nhập lại, tiếp tục sử dụng người lao động là ông Nguyễn Văn T nên ký hợp đồng lao động mới thay thế hợp đồng lao động cũ là phù hợp với quy định của pháp luật về lao động, hơn nữa Điều 7 Hợp đồng lao động số 01.02 có nội dung *“Hợp đồng lao động này... thay thế cho các hợp đồng có nội dung tương tự đã ký trước đây”*.

[2.2] Xét Hợp đồng lao động số 01.02 được ký kết giữa ông T và Công ty H, dựa trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, phù hợp với nguyên tắc giao kết

hợp đồng quy định tại Điều 17 Bộ luật Lao động 2012. Hợp đồng trên được thực hiện từ năm 2017 đến năm 2020 nhưng ông T không có bất kỳ thắc mắc hay khiếu nại nào liên quan đến việc thay đổi. Mọi chế độ của người lao động đều căn cứ vào Hợp đồng lao động số 01.02, như mức lương ông T hưởng tại công ty Công ty H trước lúc thôi việc là 59.030.000 đồng/tháng là căn cứ vào Phụ lục Hợp đồng lao động số 01-02/PLL.HĐLĐ-HĐPM ngày 09/10/2019, đây cũng là mức lương mà ông T làm căn cứ để khởi kiện yêu cầu Công ty H.

Như vậy, có đủ căn cứ xác định Hợp đồng lao động số 01.02 và phụ lục đính kèm là hợp đồng mới, thay thế hoàn toàn Hợp đồng lao động số 62 là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 35 Bộ luật Lao động 2012 *“Trong trường hợp hai bên thỏa thuận được thì việc sửa đổi, bổ sung hợp đồng lao động được tiến hành bằng việc ký kết phụ lục hợp đồng lao động hoặc giao kết hợp đồng lao động mới”*.

[2.3] Về việc Công ty TNHH MTV Quản lý – Vận hành – Khai BĐS H chấm dứt hợp đồng lao động với ông Nguyễn Văn T:

[2.3.1] Ngày 14/02/2020, Công ty H có báo cáo số 58/BC-HaDoPM về việc hết hạn hợp đồng lao động của Phó Tổng Giám đốc công ty. Ngày 17/02/2020, Công ty H ra Thông báo số 67/TB-HaDoPM về việc chấm dứt hợp đồng lao động đối với ông T từ ngày 01/4/2020, cùng ngày Công ty có Quyết định số 36/QĐ-HĐTV ngày 17/02/2020 về việc thôi trả lương và chấm dứt hợp đồng lao động. Ngày 16/3/2020, ông T nhận được quyết định trên, tại phiên tòa phúc thẩm ông T cũng xác nhận điều này. Như vậy, việc chấm dứt hợp đồng lao động của Công ty thuộc trường hợp hết hạn Hợp đồng lao động số 01.02 theo quy định tại khoản 1 Điều 36 Bộ luật Lao động 2012: *“1. Hết hạn hợp đồng lao động, trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 192 của Bộ luật này...”* và phù hợp về thời gian báo trước quy định tại khoản 1 điều 47 Bộ luật lao động 2012: *“1. Ít nhất 15 ngày trước ngày hợp đồng lao động xác định thời hạn hết hạn, người sử dụng lao động phải thông báo bằng văn bản cho người lao động biết thời điểm chấm dứt hợp đồng lao động”*.

[2.3.2] Tòa án cấp sơ thẩm xác định Công ty H đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật, buộc bồi thường 01 tháng tiền lương do vi phạm thời hạn báo trước và 02 tháng tiền lương do không nhận ông T trở lại làm việc không có cơ sở. Vì Hợp đồng lao động số 01.02 là hợp đồng xác định thời hạn nên thời hạn báo trước *“ít nhất 30 ngày”* theo Điều 38 Bộ luật Lao động 2012 quy định quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động của người sử dụng lao động. Ngày 17/02/2020, Công ty H ra quyết định chấm dứt hợp đồng lao động kể từ ngày 01/4/2020 nên tại thời điểm ngày 17/02/2020 quyết định này mang tính chất báo trước thời điểm chấm dứt hợp đồng lao động.

Ngoài ra, sau khi chấm dứt hợp đồng lao động với ông T, Công ty H đã giải quyết chế độ tiền lương, ông T đã bàn giao công việc lại và Công ty H cũng đóng bảo hiểm xã hội đến tháng 4/2020 và giao trả sổ bảo hiểm xã hội cho ông T theo đúng quy định. Căn cứ chứng minh nhân dân của ông T thì đến ngày 09/12/2020 ông đủ tuổi nghỉ hưu (60 tuổi), đủ thời gian đóng bảo hiểm xã hội và tại phiên tòa, các bên cũng xác nhận thỏa thuận về thời hạn chấm dứt quan hệ

lao động, điều này phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 36 Bộ luật Lao động 2012. Ngày xét xử sơ thẩm là ngày 28/4/2021, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng khoản 3 Điều 42 Bộ luật Lao động 2012 tuyên xử buộc Công ty H phải bồi thường cho ông T 02 tháng tiền lương do hai bên không thỏa thuận về việc nhận người lao động trở lại làm việc là không phù hợp.

[2.4] Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, sửa toàn bộ bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Các đương sự khác trong vụ án không kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp và Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không kháng nghị, do đó căn cứ quy định tại Điều 293, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa toàn bộ bản án lao động sơ thẩm số 04/2021/LĐ-ST ngày 28/4/2021 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về án phí:

Án phí lao động sơ thẩm: Do không chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên nguyên đơn ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí. Tuy nhiên, do ông T là người cao tuổi theo Điều 2 Luật người cao tuổi 2009: “*Người cao tuổi được quy định trong Luật này là công dân Việt Nam từ đủ 60 tuổi trở lên*” và theo điểm a, đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông T thuộc đối tượng được miễn nộp tạm ứng án phí.

Án phí lao động phúc thẩm: do sửa toàn bộ bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí, theo quy định pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 32, Điều 147, Điều 148, Điều 264, Điều 293, Điều 306, Điều 307, khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 17, Điều 35, Điều 36, Điều 38, Điều 45, Điều 47 Bộ luật Lao động năm 2012;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

- Căn cứ Luật Thi hành án Dân sự;

* Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH MTV Quản lý – Vận hành – Khai thác bất động sản H làm trong thời hạn luật định, được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

* Về nội dung: Sửa toàn bộ bản án sơ thẩm số 04/2021/LĐ-ST ngày 28/4/2021 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T, cụ thể: Tuyên bố Công ty TNHH MTV Quản lý – Vận hành – Khai thác BĐS H đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật với ông Nguyễn Văn T do đó phải bồi thường cho ông Nguyễn Văn T là 14 tháng lương x 59.030.000 đồng = 826.420.000 đồng, cụ thể: 07 tháng lương chấm dứt hợp đồng lao động; 02 tháng lương trợ cấp nghỉ việc; 02 tháng lương không nhận người lao động làm việc lại; 02 tháng lương nghỉ không có lương; 01 tháng lương không thông báo nghỉ việc trước.

2. Về án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn T không phải chịu.

3. Về án phí phúc thẩm: Công ty TNHH MTV Quản lý – Vận hành – Khai thác BĐS H không phải chịu. Hoàn lại cho Công ty TNHH MTV Quản lý – Vận hành – Khai thác BĐS H tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2019/0069460 ngày 12/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Các bên thi hành tại Chi cục Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

5. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao tại TP.HCM;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND quận Tân Bình;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Chi cục THADS quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Văn Hiền